

UBND HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG TIỂU HỌC TẠ HOÀNG CƠ

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM
HỌC 2024 - 2025

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/ số lớp	30/17	19.9 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	30	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	11.349	19,90
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	5.919	10,38
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	848	1,49
2	Diện tích thư viện (m ²)	139	0,24
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	569	1,00
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	67,4	0,12
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	100,2	0,18
6	Diện tích phòng tin học (m ²)	100,2	0,18
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	67,4	0,12
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hoà nhập (m ²)	24,4	0,04
9	Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội (m ²)	75	0,13
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	25	Số bộ/ lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu có theo quy định	100	6



1.1	Khối lớp 1	0	0
1.2	Khối lớp 2	100	6
1.3	Khối lớp 3	0	0
1.4	Khối lớp 4	0	0
1.5	Khối lớp 5	0	0
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	0	0
2.4	Khối lớp 4	0	0
2.5	Khối lớp 5	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	148	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/ lớp
1	Tivi	0	
2	Cat xét	0	
3	Đầu Video/ đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu Dalite	40	1
5	Thiết bị khác: Đàn organ dành cho học sinh	18	
6	Tai nghe có Micro phòng tiếng anh	74	
X	Nhà bếp	50 m ²	
XI	Nhà ăn	300 m ²	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XI	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	306	300	1,02
XII	Khu nội trú			
XIII	Nhà vệ sinh			

